

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
HUYỆN ĐỨC CƠ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do-Hạnh phúc**

Số: 86 /NQ-HĐND

Đức Cơ, ngày 18 tháng 8 năm 2021

NGHỊ QUYẾT

Về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021-2025

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC CƠ
KHOÁ VII - KỲ HỌP THỨ BA (KỲ HỌP CHUYÊN ĐỀ)**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 13 tháng 6 năm 2019;

*Căn cứ Nghị định số 40/2020/NĐ-CP ngày 06/4/2020 của Chính phủ
Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công;*

*Căn cứ Nghị quyết số 128/2020/NQ-HĐND, ngày 09/11/2020 của Hội
đồng nhân dân tỉnh về ban hành quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức
phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương giai đoạn 2021 - 2025
trên địa bàn tỉnh Gia Lai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐND ngày 10/8/2021 của Hội đồng nhân
dân tỉnh về kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025;*

*Sau khi xem xét Tờ trình số 162/TTr-UBND, ngày 04/8/2021 của Ủy ban
nhân dân huyện về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn
2021-2025; Báo cáo kết quả thẩm tra của Ban Kinh tế - Xã hội Hội đồng nhân
dân huyện; ý kiến thảo luận của các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện.*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quyết định kế hoạch đầu tư công trung hạn từ nguồn vốn tỉnh phân
cấp cho huyện quyết định đầu tư và nguồn vốn tiền sử dụng đất giai đoạn 2021-
2025, như sau:

1. Tổng vốn đầu tư công giai đoạn 2021-2025: 276,77 tỷ đồng, bao gồm:
- Nguồn vốn tỉnh phân cấp huyện quyết định đầu tư: 106,77 tỷ đồng
 - Nguồn vốn tiền sử dụng đất: 170,00 tỷ đồng

Chia ra:

- + Tiền sử dụng đất do huyện đầu tư: 120,00 tỷ đồng
- + Tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư: 50,00 tỷ đồng

2. Danh mục và mức vốn bố trí cho từng dự án: Có các biểu mẫu kèm theo.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

- Giao Ủy ban nhân dân huyện tổ chức thực hiện Nghị quyết này.
- Thường trực Hội đồng nhân dân huyện, các Ban Hội đồng nhân dân huyện, Tổ đại biểu và các đại biểu Hội đồng nhân dân huyện theo dõi, giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khoá VII, Kỳ họp thứ Ba thông qua ngày 18 tháng 8 năm 2021 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Sở Kế hoạch và Đầu tư;
- Sở Tài chính;
- Thường trực Huyện ủy;
- Thường trực HĐND, UBND huyện;
- Ủy ban MTTQVN huyện;
- Các vị đại biểu HĐND huyện;
- Các cơ quan, đơn vị huyện;
- Thường trực HĐND, UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT-VP.



CHỦ TỊCH

Phan Quang Thái

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Biểu số 1. Nguồn vốn tỉnh phân cấp cho huyện quyết định đầu tư

(Kèm theo Nghị quyết số 86 /NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					135.570	106.770	
I	LĨNH VỰC AN NINH QUỐC PHÒNG					2.520	2.400	
1	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m2 và các hạng mục phụ	48/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	840	800	
2	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	Năm 2023	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m2 và các hạng mục phụ	58/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	840	800	
3	Nhà làm việc Ban chỉ huy quân sự thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	Nhà làm việc cấp IV, 1 Tầng, DTXD: 150 m2 và các hạng mục phụ	46/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	840	800	
II	LĨNH VỰC GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO					44.930	42.190	
1	Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện, thiết bị	1644/QĐ-UBND ngày 13/10/2021	5.250	5.090	
2	Trường Tiểu học Bùi Thị Xuân	Xã Ia Dìn	Năm 2021	Xây dựng 04 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện và các hạng mục phụ, thiết bị	1084/QĐ-UBND ngày 12/7/2021	5.300	5.000	
3	Trường Tiểu học Phan Chu Trinh	Xã Ia Kla	Năm 2022	Xây dựng 03 phòng học lý thuyết, 02 phòng học bộ môn; thiết bị	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.700	2.600	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					135.570	106.770	
4	Trường Tiểu học Ngô Mây	Xã Ia Kla	Năm 2022	Xây dựng nhà hiệu bộ, 02 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn; 01 phòng thư viện; thiết bị	42/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	6.300	6.000	
5	Trường Mầm non Hải Âu	Xã Ia Krêl	Năm 2022	01 phòng Mầm non: DTXD 70m2, sân bê tông, thiết bị	52/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	520	500	
6	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din	Năm 2023	Xây dựng 06 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn, 01 phòng thiết bị, 01 phòng thư viện và các hạng mục phụ, thiết bị	55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	7.000	6.000	
7	Trường Tiểu học Trần Phú	Xã Ia Dom	Năm 2023	Xây dựng 06 phòng học lý thuyết + 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ, thiết bị	44/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	5.570	5.300	
8	Trường Tiểu học Kim Đồng	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	Xây dựng 04 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ, thiết bị	49/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.570	3.400	
9	Trường Tiểu học Trần Quốc Tuấn	Xã Ia Krêl	Năm 2024	Xây dựng 03 phòng học lý thuyết, 01 phòng học bộ môn; thiết bị	47/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100	2.000	
10	Trường THCS Nguyễn Huệ	Xã Ia Din	Năm 2024	Xây dựng 03 phòng học bộ môn thiết bị và các hạng mục phụ	45/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100	2.000	
11	Trường THCS Nguyễn Hiền	Thị trấn Chư Ty	Năm 2025	Xây dựng sân thể dục thể thao, tường rào, thiết bị	50/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	520	500	
12	Trường Trung học cơ sở Nguyễn Trãi	Xã Ia Dom	Năm 2025	Xây dựng nhà hiệu bộ, 02 phòng học bộ môn và các hạng mục phụ, thiết bị	43/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	4.000	3.800	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					135.570	106.770	
III	LĨNH VỰC VĂN HÓA-THÔNG TIN					41.790	29.850	
1	Nhà văn hóa xã Ia Kla	Xã Ia Kla	Năm 2021	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	996/QĐ-UBND ngày 05/7/2021	2.840	2.700	
2	Di tích lịch sử chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư ty	Năm 2022-2023	Sân, đường nội bộ, hệ thống điện, nước và các hạng mục phụ	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	12.110	5.042	lồng ghép vốn; trong đó có huy động đóng góp
3	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din	Năm 2023	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.600	2.700	
4	Nhà văn hóa xã Ia Dơk	Xã Ia Dơk	Năm 2024	Nhà cấp III, 01 tầng, DTXD 374m2 và các hạng mục phụ, thiết bị	53/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.840	2.700	
5	Điểm tham quan du lịch cây di sản Việt Nam	Xã Ia Dơk	Năm 2024	Đường giao thông, hệ thống thoát nước, hệ thống điện nước, nhà vệ sinh và các hạng mục phụ	74/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	4.100	2.000	
6	Trung tâm Văn hóa, Thông tin và Thể thao	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024-2025	Phòng phát thanh, phòng kỹ thuật và các hạng mục phụ; thiết bị	73/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	9.800	9.708	
7	Sân vận động huyện Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty	Năm 2025	Sân ủi mặt bằng, khán đài, kè đá, trồng cỏ và các hạng mục phụ	77/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	6.500	5.000	
IV	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					31.260	17.580	

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					135.570	106.770	
1	NÔNG NGHIỆP, NÔNG THÔN					2.050	1.600	
	Xây dựng khu giết mổ gia súc tập trung	Xã Ia Kriêng	Năm 2024	DTXD: 300m2 và các hạng mục phụ	76/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.050	1.600	
2	GIAO THÔNG					29.210	15.980	
2.1	Nâng cấp, mở rộng đường Lê Lợi (Đoạn phía Bắc Đường Quang Trung)	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Chiều dài L= 0,25 km; Bn= 17,0 m, Bm=10,5m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa, hệ thống thoát nước;	1681/QĐ-UBND ngày 19/10/2020	3.000	2.880	
2.2	Duy tu, bảo dưỡng đường Chu Văn An, đường Lê Duẩn	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	755/QĐ-UBND ngày 28/5/2021	1.500	1.460	
2.3	Duy tu, bảo dưỡng đường Anh Hùng Núp	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022	Sửa chữa nền, mặt đường, hệ thống thoát nước	40/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.310	2.200	
2.4	Đường Nguyễn Văn Linh thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2022-2023	Chiều dài tuyến L=1,35km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bdpc=1,2m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	17.800	5.500	Lồng ghép vốn, trong đó có huy động đóng góp của dân làm vỉa hè
2.5	Nâng cấp, mở rộng đường Trần Bình Trọng thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2023	Chiều dài L= 0,152 km; Bn=17,0m; Bm= 10,5m; bê tông nhựa, đan rãnh, bó vỉa và hệ thống thoát nước	59/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100	2.000	huy động đóng góp của dân làm vỉa hè

TT	Tên dự án	Địa điểm xây dựng	Thời gian KC-HT	Quy mô đầu tư	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1	2	3	4	5	6	7	8	9
	TỔNG CỘNG					135.570	106.770	
2.6	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (đoạn từ đường Quang Trung đến đường liên xã)	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	Chiều dài, L = 250m; Bn = 15,2m; Bm = 5,5 m; mặt đường láng nhựa 03 lớp TCN 4,5kg/m ² , hệ thống thoát nước	67/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.500	1.940	
V	HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CƠ QUAN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC					8.470	8.150	
1	Trụ sở UBND thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Năm 2021	Hội trường nhà 01 tầng; DTXD: 413 m ² và các hạng mục phụ, thiết bị	2018/QĐ-UBND ngày 30/12/2021	3.750	3.650	
2	Trụ sở UBND xã Ia Lang	Xã Ia Lang	Năm 2022	Nhà làm việc cấp III, 01 tầng, DTXD 150 m ² ; và các hạng mục phụ, thiết bị	60/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	1.570	1.500	
3	Trụ sở UBND xã Ia Pnôn	Xã Ia Pnôn	Năm 2023	Nhà làm việc cấp III, 02 tầng, DTXD 276 m ² ; và các hạng mục phụ, thiết bị	56/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	2.100	2.000	
4	Sửa chữa Nhà làm việc các phòng ban	Thị trấn Chư Ty	Năm 2024	Sửa chữa nhà làm việc, nhà vệ sinh, sân và hệ thống điện, nước; thiết bị	75/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	1.050	1.000	
VI	DỰ PHÒNG					6.600	6.600	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Biểu số 2. Nguồn vốn tiền sử dụng đất

(Kèm theo Nghị quyết số 86 /NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số , ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
	TỔNG CỘNG (A+B)						170.000	
A	TIỀN SỬ DỤNG ĐẤT DO HUYỆN ĐẦU TƯ					131.390	120.000	
I	Chi phí bồi thường hỗ trợ tái định cư và các chi phí liên quan khác theo quy định					15.000	15.000	
1	Bồi thường hỗ trợ và tái định cư để thực hiện dự án đường liên xã Ia Krêl - Ia Kla	Huyện Đức Cơ		Năm 2021	83/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	8.170	8.170	
2	Trường Tiểu học Hùng Vương	Xã Ia Din		Năm 2022	55/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	7.000	660	Lồng ghép vốn XD CB
3	Di tích lịch sử Chiến thắng Chư Ty	Thị trấn Chư ty		Năm 2022	84/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	12.110	610	nt
4	Nhà văn hóa xã Ia Din	Xã Ia Din		Năm 2022	54/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	3.600	730	nt
5	Điểm tham quan du lịch cây di sản Việt Nam	xã Ia Dok		Năm 2023	74/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	4.100	1.940	nt
6	Xây dựng khu giết mổ tập trung	Xã Ia Kriêng		Năm 2023-2024	76/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.050	379	nt

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số , ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
7	Nâng cấp, mở rộng đường Chu Văn An (đoạn từ đường Quang Trung đến đường liên xã)	Thị trấn Chư Ty		Năm 2024	67/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.500	460	nt
8	Sân vận động huyện Đức Cơ	Thị trấn Chư Ty		Năm 2024-2025	77/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	6.500	1.125	nt
9	Dự phòng giải phóng mặt bằng					926	926	
II	Chi công tác đo đạc, đăng ký đất đai, lập cơ sở dữ liệu hồ sơ địa chính và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất					10.500	10.500	
III	Tiền sử dụng đất còn lại					105.890	94.500	
III.1	Tiền sử dụng đất trích nộp quỹ phát triển đất của tỉnh					25.920	25.920	
III.2	Tiền sử dụng đất dành cho đầu tư					79.970	68.580	
a)	MÔI TRƯỜNG					8.690	8.640	
1	Lập quy hoạch sử dụng đất thời kỳ 2021-2030 và kế hoạch sử dụng đất năm 2021	Huyện Đức Cơ		Năm 2021-2022		2.090	2.040	
2	Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2022 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ		Năm 2022	79/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	300	300	
3	Thu thập, chỉnh lý, số hóa, khai thác dữ liệu tài nguyên môi trường	Huyện Đức Cơ		Năm 2022; Năm 2023; Năm 2024	82/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.500	2.500	

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
4	Thông kê đất đai hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ		Năm 2022; Năm 2023; Năm 2024	81/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	670	670	
5	Lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ		Năm 2023; Năm 2024; Năm 2025	80/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	900	900	
6	Kiểm kê đất đai và lập bản đồ hiện trạng sử dụng đất năm 2024 huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ		Năm 2024	78/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	1.000	1.000	
7	Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất 5 năm kỳ đầu và kế hoạch năm đầu của điều chỉnh quy hoạch huyện Đức Cơ	Huyện Đức Cơ		Năm 2025		1.230	1.230	
b)	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ					53.280	41.940	
1	GIAO THÔNG					41.780	30.940	
1.1	Đường Quy hoạch Đ2, Đ3, Đ4, Đ5, Đ6, Đ8, Tổ dân phố 7, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài L=1,125km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m, đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m2; đan rãnh bó vỉa, vỉa hè và hệ thống thoát nước	Năm 2021-2022	1782/QĐ-UBND ngày 06/11/2020	7.500	7.030	
1.2	Đường Quy hoạch khu dân cư (phía Tây Hội trường Tổ dân phố 7) thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài L= 0,9 km, Bn=11,9 ÷ 14,9 m, Bm= 7,5 ÷ 10,5 m; đá dăm láng nhựa, TCN 4,5kg/m2 và hệ thống thoát nước	Năm 2022-2023	51/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	5.200	5.000	
1.3	Đường Nguyễn Văn Linh, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=1,35km. Bn=18m; Bm=7,9x2=15,8m; Bđpc=1,2m; Mặt đường bê tông nhựa, hệ thống thoát nước	2022-2023	85/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	17.800	8.000	Lồng ghép vốn, trong đó có huy động đóng góp của dân làm vỉa hè

TT	Tên dự án	Địa điểm XD	Năng lực thiết kế	Thời gian KC-HT	Quyết định chủ trương đầu tư		Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021-2025	Ghi chú
					Số, ngày tháng năm ban hành	Tổng mức đầu tư		
1.4	Sửa chữa đường giao thông thôn MooK Trêl, Mook Đen xã Ia Dom	xã Ia Dom	Chiều dài tuyến, L= 4,0 km; Sửa chữa vá ổ gà mặt đường, đắp lề	Năm 2023	66/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	1.400	1.350	
1.5	Đường giao thông làng Trol Deng, thị trấn Chư Ty	Thị trấn Chư Ty	L= 0,250 km; Bn= 5,5m; Bm= 3,5m; mặt đường đá dăm láng nhựa; hệ thống thoát nước	Năm 2024	57/NQ-HĐND ngày 23/7/2021	630	600	
1.6	Sửa chữa đường giao thông làng Khóp, Krol, Krêl xã Ia Krêl	Xã Ia Krêl	Chiều dài tuyến, L= 8,0 km; Sửa chữa vá ổ gà mặt đường, đắp lề	Năm 2024	68/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	1.850	1.800	
1.7	Nâng cấp mặt đường Tôn Đức Thắng	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến, L= 1,1 km; Sửa chữa nền, mặt đường láng nhựa, đào rãnh thoát nước, đắp lề đường	Năm 2024	70/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.800	2.700	
1.8	Nâng cấp, mở rộng các tuyến đường: Cù Chính Lan; Ngô Mây; Nguyễn Khuyến; Nguyễn Bình Khiêm	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến, L= 0,671 km; Nâng cấp, mở rộng nền, mặt đường láng nhựa, hệ thống thoát nước	Năm 2025	69/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	4.600	4.460	Huy động đóng góp của nhân dân làm vỉa hè
2	QUY HOẠCH					6.300	6.000	
	Quy hoạch chi tiết các điểm dân cư, điều chỉnh quy hoạch, cấm mốc quy hoạch	Huyện Đức Cơ		Năm 2021-2025		6.300	6.000	
3	CÁC HOẠT ĐỘNG KINH TẾ KHÁC					5.200	5.000	
3.1	Cải tạo, chỉnh trang diện chiếu sáng công cộng đường Trường Chinh	Thị trấn Chư Ty	Chiều dài tuyến L=1,46km. Cột thép mã kẽm H=9m; Cản đèn thép mạ kẽm Ø48, dây CVV 4x16mm ² , tủ điều khiển 2 chế độ, bóng Led 150W.	Năm 2022-2023	72/NQ-HĐND ngày 18/8/2021	2.600	2.500	

KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG TRUNG HẠN GIAI ĐOẠN 2021-2025

Phụ biểu: Nguồn vốn tiền sử dụng đất phân cấp cho xã đầu tư

(Kèm theo Nghị quyết số 86 /NQ-HĐND, ngày 18 tháng 8 năm 2021 của Hội đồng nhân dân huyện)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Kế hoạch đầu tư giai đoạn 2021- 2025	Trong đó					Ghi chú
			Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Năm 2025	
	TỔNG SỐ	50.000	7.000	13.000	10.000	10.000	10.000	
1	Xã Ia Nan	6.000	1.600	1.200	1.000	1.000	1.200	
2	Xã Ia Pnôn	1.000	160	600	100	100	40	
3	Xã Ia Dom	5.000	896	2.004	1.000	850	250	
4	Xã Ia Kriêng	14.000	1.768	2.842	2.800	3.000	3.590	
5	Xã Ia Krêl	17.700	1.040	5.600	3.700	3.800	3.560	
6	Xã Ia Din	4.000	1.120	340	1.000	800	740	
7	Xã Ia Dơk	1.500	80	300	300	300	520	
8	Xã Ia Kla	500	240	60	50	100	50	
9	Xã Ia Lang	300	96	54	50	50	50	